

ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG

ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VAY TỪNG LẦN TẠI VPBANK VÀ KHOẢN VAY ĐƯỢC BẢO ĐẢM 100% BẰNG CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI GHI DANH, THẺ TIẾT KIỆM DO VPBANK PHÁT HÀNH, SỐ DƯ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRÊN TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM, SỐ DƯ TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN THEO HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI TẠI VPBANK

(Áp dụng kể từ ngày 01/01/2018)

Bản Điều kiện giao dịch chung này áp dụng cho Khách hàng cá nhân vay từng lần tại VPBank và khoản vay của Khách hàng được bảo đảm 100% bằng Chứng chỉ tiền gửi ghi danh, Thẻ tiết kiệm do VPBank phát hành, số dư tiền gửi tiết kiệm trên tài khoản tiết kiệm, số dư tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi tại VPBank ("**Điều Kiện Giao Dịch Chung**"). Điều Kiện Giao Dịch Chung này là phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp đồng cho vay đã được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba) và VPBank mà trong Hợp đồng cho vay đó có dẫn chiếu áp dụng đến Điều Kiện Giao Dịch Chung.

Bằng việc ký vào Hợp Đồng:

- (i) Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba) xác nhận là đã đọc, hiểu rõ các điều khoản trong Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này; và
- (ii) VPBank và Bên vay, Bên cầm cố chấp nhận và cam kết tuân thủ đúng các điều khoản và điều kiện của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. **Bên vay:** Là Bên vay có thông tin chi tiết như nêu tại Hợp Đồng.
2. **Bên cầm cố:** Là Chủ sở hữu Tài sản cầm cố có thông tin chi tiết như nêu tại Hợp Đồng. Bên cầm cố là chính Bên vay trong trường hợp Bên vay sử dụng chính tài sản của mình để cầm cố và Bên cầm cố là bên thứ ba trong trường hợp Bên thứ ba này sử dụng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên vay.
3. **VPBank:** Được hiểu bao gồm Hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và có thông tin chi tiết như nêu tại Hợp Đồng.
4. **Tài sản cầm cố:** Là tài sản thuộc sở hữu của Bên cầm cố được mô tả chi tiết tại Hợp Đồng.
5. **Văn kiện tín dụng:** Được hiểu bao gồm Hợp Đồng, (các) Khế ước nhận nợ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan.
6. **Hợp Đồng:** là Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba) và VPBank, bao gồm (các) Khế ước nhận nợ, các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan.

Điều 2. Số Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay, Đồng Tiền Và Thời Hạn Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay

1. Số tiền cho vay, Đồng tiền và Thời hạn cho vay, Mục đích sử dụng vốn vay, Phương thức cho vay: Thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng.
2. Điều kiện, thủ tục và phương thức giải ngân: Thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng.

Điều 3. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

0023
AN H
G MẠI C
T N
H V
24 - T.P

Muo

1. Lãi suất cho vay trong hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn), lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng.
2. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và (các) Khế ước nhận nợ.
3. Phương pháp tính lãi áp dụng đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng.
4. Phí liên quan đến khoản vay: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank các khoản phí như được quy định cụ thể tại Hợp Đồng.

Điều 4. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp Đồng, (các) Khế ước nhận nợ và Điều Khoản Giao Dịch Chung này, các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm theo quy định cụ thể tại Hợp Đồng.
2. Trong thời gian cầm cố, ngoài các trường hợp như quy định tại Hợp Đồng, VPBank sẽ thực hiện xử lý Tài sản cầm cố để thu hồi nợ mà không cần có sự đồng ý của Bên vay, Bên cầm cố trong các trường hợp sau:
 - a) Bên vay phải trả nợ trước hạn cho VPBank trong các trường hợp mà Các Bên đã thỏa thuận trong Văn kiện tín dụng hoặc theo quy định của Pháp luật nhưng Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ;
 - b) Bên vay, Bên cầm cố vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định tại các Văn kiện tín dụng và các văn bản liên quan ký kết với VPBank;
 - c) Bên vay, Bên cầm cố chết hoặc bị tòa án tuyên bố chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, ly hôn, bỏ trốn, bị khởi tố, chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
 - d) Các trường hợp khác mà VPBank đơn phương xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay phù hợp với quy định của pháp luật. Trong các trường hợp này, VPBank sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên vay, Bên cầm cố biết lý do trước khi xử lý Tài sản cầm cố.
3. Phương thức xử lý Tài sản cầm cố: Thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng.
4. Bên cầm cố cam kết có toàn quyền xác lập giao dịch cầm cố và các giao dịch khác liên quan tới Tài sản cầm cố với VPBank. Giao dịch cầm cố theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch này và các tài liệu liên quan do Bên cầm cố xác lập có đầy đủ giá trị pháp lý và được bảo vệ, công nhận bởi pháp luật;
5. Bên cầm cố cam kết không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, góp vốn, dùng Tài sản cầm cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc thực hiện các hành vi tương tự đối với Tài sản cầm cố trong suốt thời hạn cầm cố, trừ trường hợp được Người có thẩm quyền của VPBank đồng ý trước bằng văn bản. Nếu Bên cầm cố cố tình thực hiện các hành vi trên khi chưa được sự đồng ý của VPBank hoặc cố ý giấu giếm thông tin liên quan tới quyền (sở hữu, sử dụng) của tổ chức, cá nhân khác với Tài sản cầm cố thì được coi là Bên cầm cố có hành vi lừa đảo/lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của VPBank và VPBank có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bên cầm cố.

Điều 5. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay

1. Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho VPBank theo lịch biểu quy định tại Hợp Đồng.

2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và VPBank có quyền dừng giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Hợp Đồng.
3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
4. Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó.
5. Địa điểm thu nợ: Việc thanh toán các khoản nợ của Bên vay được thực hiện tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của VPBank.
6. Phương thức thu nợ: Bên vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. Bên vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại VPBank và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để VPBank thu nợ khi đến hạn. VPBank có quyền tự động tạm khóa, trích tài khoản nêu trên hoặc bất kỳ tài khoản nào khác (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay mở tại VPBank để thu nợ đến hạn hoặc để bảo đảm thu nợ. Nếu các tài khoản của Bên vay có loại tiền khác với loại tiền vay và VPBank có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì VPBank sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà VPBank đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, VPBank sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của VPBank, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, VPBank có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Việc VPBank bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho VPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho VPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày VPBank thông báo cho Bên vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên vay chấp nhận việc VPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

7. Thứ tự ưu tiên thu nợ: Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
 - a) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, VPBank sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của VPBank (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
 - b) Trường hợp khoản vay bị chuyển quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

Điều 6. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. VPBank có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay mà không cần có lý do. Nếu Bên vay được VPBank đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì Bên vay phải chịu mức lãi suất cơ cấu lại theo Khoản 2 Điều 3 Điều Khoản Giao Dịch Chung này và Bên vay phải đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận với VPBank tại thời điểm cơ cấu lại.

3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.

Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng, ngoài các trường hợp quy định tại Hợp Đồng, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
- a) Bên vay sử dụng vốn sai mục đích, có hành vi không trung thực, cung cấp thông tin sai sự thật, trốn tránh, thiếu thiện chí với VPBank trong quá trình vay vốn, trả nợ;
 - b) Bên vay bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
 - c) Thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Bên vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho VPBank;
 - d) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của VPBank;
 - e) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;
 - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho VPBank.
 - f) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại VPBank, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng cho vay, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp Đồng có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho VPBank;
 - g) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank theo Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận khác giữa các Bên;
 - h) Bên vay hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân;
 - i) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của VPBank từng thời kỳ; Bên vay không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay; hoặc Bên vay không cung cấp cho VPBank báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;
 - j) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của VPBank (nếu có) liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm, ký Hợp đồng bảo hiểm, tái tục/duy trì Hợp đồng bảo hiểm;

- k) Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước; có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.
- l) Các trường hợp mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, VPBank có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi VPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. VPBank sẽ thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên vay (nếu có). Bên vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của VPBank.
4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này, VPBank được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
- a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận theo quy định của Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này, Hợp đồng bảo đảm;
 - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại VPBank và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
 - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại VPBank;
 - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank đối với Bên vay (nếu có);
 - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với VPBank thì Bên vay cam kết tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho VPBank.

Điều 8. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp như quy định tại Hợp Đồng.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể như sau:
 - a) Trường hợp Bên vay chậm thanh toán nợ gốc theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và VPBank không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; Phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn.
 - b) Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Hợp Đồng, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.

- c) Trường hợp VPBank yêu cầu Bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại trước thời hạn, nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của VPBank, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.
3. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.
4. VPBank sẽ thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
5. Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

Điều 9. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Cho Vay

1. Bên vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên vay chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của VPBank bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của VPBank:
 - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của VPBank;
 - b) Báo cáo tình hình thu nhập của Bên vay, nội dung, hình thức và thời gian báo cáo thực hiện theo yêu cầu của VPBank;
 - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
 - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của VPBank.
3. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà VPBank áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho VPBank phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

Điều 10. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa VPBank và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên vay có nghĩa vụ bồi thường cho VPBank toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà VPBank phải gánh chịu do vi phạm của Bên vay.
2. Khi phát sinh vi phạm, VPBank sẽ thông báo cho Bên vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí khác và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường, Bên vay đồng ý bồi hoàn cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá,

thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư và các chi phí phát sinh khác mà VPBank đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên vay. Việc bồi thường, bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của VPBank và VPBank không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào.

3. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
4. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của VPBank trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên vay vi phạm theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

Điều 11. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank

1. Quyền của VPBank:

- a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank hoặc trong trường hợp VPBank không thể giải ngân theo quy định của Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này;
- b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay. Trường hợp, Bên vay không đồng ý với các nội dung điều chỉnh của VPBank, Bên vay có quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho VPBank.
- c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho VPBank đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho VPBank trong các trường hợp VPBank nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay, Bên bảo đảm (nếu có) trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.
- i) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay, Bên cầm cố (nếu có) và các khoản tín dụng của Bên vay, Bên cầm cố (nếu có) bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay, Bên cầm cố cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố và VPBank để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc để cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với VPBank để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VPBank.
- j) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, VPBank có quyền yêu cầu

bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

k) Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc tuân thủ pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường của Bên vay;

2. Nghĩa vụ của VPBank:

a) Giải ngân tiền vay cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;

b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank.

3. VPBank có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay

1. Quyền của Bên vay:

a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ VPBank theo đúng thỏa thuận;

b) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên vay (nếu có) sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của Bên vay:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của VPBank trong suốt quá trình vay vốn;

b) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để VPBank trực tiếp kiểm tra về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;

c) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này trong các trường hợp VPBank có yêu cầu;

d) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan;

e) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho VPBank toàn bộ thiệt hại phát sinh, các thiệt hại này có thể bao gồm chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà VPBank phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;

f) Trường hợp Bên vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của Bên vay, Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để VPBank thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho VPBank.

g) Thông báo bằng văn bản cho VPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm b) c), d), e) khoản 1, Điều 7 của Điều Khoản Giao Dịch Chung này;

- Bên vay thay đổi Hộ khẩu thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.

h) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được VPBank tiếp tục giải ngân, sẽ bị chấm dứt hạn mức tín dụng (nếu có) và phải thực hiện trả nợ trước hạn cho VPBank (nếu đã phát sinh dư nợ):

- Bên vay không thực hiện rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định trong Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của VPBank.
- VPBank không thực hiện giải ngân được do Bên vay không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân/cấp tín dụng;
- Các hồ sơ, thông tin Bên vay cung cấp cho VPBank là không chính xác, không trung thực; VPBank nhận định Bên vay có dấu hiệu gian lận, giả mạo khi vay vốn hoặc tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bên vay có dấu hiệu phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà VPBank đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho VPBank theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

i) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được VPBank đồng ý bằng văn bản.

j) Bên vay đồng ý rằng VPBank có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho Bên vay mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu nghi ngờ:

- Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
- Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank;

k) Bên vay đồng ý cung cấp cho VPBank tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của VPBank nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt. Bên vay đồng ý rằng VPBank có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến Bên vay và/hoặc các bên liên quan với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật;

l) Bên vay cam kết rằng tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp Đồng (nếu có) và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác của Bên vay theo Hợp Đồng được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);

3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Cầm Cố

1. Quyền của Bên cầm cố:

- a) Được nhận lại Tài sản cầm cố và giấy tài liệu chứng minh quyền sở hữu Tài sản cầm cố sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với VPBank theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- b) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của Bên cầm cố:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến Tài sản cầm cố, bảo đảm theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
- b) Giao giấy tờ của Tài sản cầm cố cho VPBank theo đúng thỏa thuận.
- c) Thông báo cho VPBank về quyền của người thứ ba đối với Tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì VPBank có quyền hủy Hợp Đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với Tài sản cầm cố tùy theo quyết định của VPBank.

2. Bên cầm cố có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trao Đổi Thông Tin

1. VPBank sẽ thông báo cho Bên vay, Bên cầm cố các vấn đề liên quan tới khoản vay và Tài sản cầm cố theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của VPBank bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của VPBank đối với các khoản vay theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này bằng một trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, Bên cầm cố, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên vay, Bên cầm cố, gửi email tới Bên vay, Bên cầm cố và thông báo trên website chính thức của VPBank (website: www.vpbank.com.vn).
2. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay, Bên cầm cố như nêu tại Khoản 1 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay, Bên cầm cố như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng. Bên vay, Bên cầm cố được coi là đã nhận được thông báo của VPBank khi VPBank đã thông báo bằng các phương thức nêu trên tới địa chỉ, số điện thoại, email của Bên vay, Bên cầm cố. Trường hợp Bên vay, Bên cầm cố có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với VPBank thì phải thông báo cho VPBank bằng văn bản; nếu không thông báo thì VPBank có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay, Bên cầm cố đã nhận được thông báo khi VPBank thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay, Bên cầm cố.
3. Bên vay, Bên cầm cố được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại VPBank sau 01 ngày kể từ ngày VPBank thông báo. Nếu Bên vay không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của VPBank, Bên vay được quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho VPBank.

Điều 15. Ngôn Ngữ Và Hiệu Lực

Điều Khoản Giao Dịch Chung này được lập bằng tiếng Việt, có hiệu lực và được áp dụng với Bên vay, Bên cầm cố kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực cho đến khi Bên vay, Bên cầm cố thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với VPBank.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC VINH